

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÁT XÁT
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 13 /2021/QĐST – HNGĐ

Bát Xát, ngày 13 tháng 7 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÁT XÁT, TỈNH LÀO CAI

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;
Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 14/2021/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2021 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Chị Bùi Thị Thu H,
- Anh Trịnh Quang T,

Cùng địa chỉ: Số nhà 480, đường Hùng Vương, tổ 3, thị trấn Bát Xát, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Bùi Thị Thu H và anh Trịnh Quang T có đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn, đây là việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, chị Bùi Thị Thu H và anh Trịnh Quang T có địa chỉ tại huyện B, tỉnh Lào Cai, Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai thụ lý việc dân sự để giải quyết là phù hợp với khoản 2 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35, điểm h khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Chị Bùi Thị Thu H và anh Trịnh Quang T kết hôn với nhau có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai vào ngày 23 tháng 7 năm 2013, theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 20/2013, quyển số 01/2013 theo đúng quy định của pháp luật, như vậy hôn nhân này là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ và công nhận.

[3] Tại đơn yêu cầu và bản tự khai chi H và anh T cho rằng anh, chị kết hôn với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do không còn chung quan điểm sống, mâu thuẫn nảy sinh nhiều trong chuyện tình cảm vợ chồng. Từ đó không còn yêu thương, tôn trọng nhau, việc ai người đó làm, thực tế vợ chồng vẫn sống chung cùng một nhà nhưng không quan tâm đến nhau. Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng anh chị không đoàn tụ được, anh, chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không khắc phục được, anh, chị thuận tình ly hôn, xét thấy sự thỏa thuận của anh, chị là tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, Tòa án công nhận sự thỏa thuận của anh chị là phù hợp với Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về con: Chị H và anh T chung sống với nhau có 02 con chung, cháu thứ nhất Trịnh Linh Nga, sinh ngày 16/3/2014 và cháu thứ hai Trịnh Hoài A, sinh ngày 21/5/2018. Khi ly hôn anh chị thỏa thuận, chị H là người trực tiếp nuôi cả 02 cháu đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Xét thấy bản thân chị H đang công tác tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai có thu nhập ổn định là 7.600.000 (bảy triệu sáu trăm nghìn) đồng / tháng, cháu Trịnh Linh Ng có nguyện vọng muốn ở với mẹ, sự thỏa thuận của anh chị là tự nguyện, Tòa án công nhận sự thỏa thuận của anh, chị về con, giao cả 02 cháu cho chị H nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H và anh T thỏa thuận, anh T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu là 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng/ tháng cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Xét thấy sự thỏa thuận của anh chị là phù hợp với Điều 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[6] Về tài sản: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về lệ phí: Căn cứ Điều 149 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016. Chị H và anh T phải chịu lệ phí việc dân sự.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân:

Chị Bùi Thị Thu H và anh Trịnh Quang T thuận tình ly hôn;

- Về con chung: Chị Bùi Thị Thu H là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cả 02 cháu, cháu thứ nhất Trịnh Linh Ng, sinh

ngày 16/3/2014 và cháu thứ hai Trịnh Hoài A, sinh ngày 21/5/2018 cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi.

Anh Trịnh Quang T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Trịnh Quang T có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi cháu là 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng/ tháng cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án khoản tiền cấp dưỡng nuôi con của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại khoản 1 Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về tài sản: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về lệ phí Tòa án: Chị Bùi Thị Thu H và anh Trịnh Quang T mỗi người phải chịu lệ phí việc dân sự là 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí mỗi người đã nộp là 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng theo biên lai số 0002045 ngày 24/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lào Cai. Chị Bùi Thị Thu H và anh Trịnh Quang T đã nộp đủ tiền lệ phí việc dân sự.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nơi nhận:

- Đương sự (2);
- VKSND huyện B;
- UBND xã B;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

Hoàng Duy Chiến

